

HƯỚNG DẪN

Tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết mới của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm và Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Thực hiện chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết mới. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy hướng dẫn như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Giúp các cấp ủy, tổ chức đảng chỉ đạo tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền kịp thời, nghiêm túc, thống nhất và hiệu quả các chủ trương, nghị quyết mới của Trung ương và Tỉnh ủy; chủ động cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết và tổ chức thực hiện gắn với chức năng, nhiệm vụ, điều kiện thực tiễn; tăng cường đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới.

- Đổi mới nội dung, hình thức quán triệt, học tập, tuyên truyền theo hướng trọng tâm, thiết thực, hiệu quả. Kết hợp giữa phương thức truyền thống với ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; giữa tự nghiên cứu với nghe phổ biến, đổi mới mạnh mẽ tư duy từ “học tập, quán triệt” sang “hiểu sâu - hành động đúng - làm đến cùng” trong từng bước triển khai. Giúp cán bộ, đảng viên nắm vững nội dung cốt lõi, điểm mới, yêu cầu đặt ra, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động, tạo niềm tin và sự đồng thuận xã hội.

- Việc tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền phải được lãnh đạo, chỉ đạo nghiêm túc theo tinh thần Kết luận số 226-KL/TW, ngày 11/12/2025 của Ban Bí thư về việc chấn chỉnh lề lối làm việc; nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị và Công văn số 1358-CV/TU, ngày 30/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chấn chỉnh lề lối, nền nếp học tập, quán triệt nghị quyết, tham dự các hội nghị.

II- NỘI DUNG, HÌNH THỨC THỰC HIỆN

1. Tổ chức học tập, quán triệt

1.1. Nội dung và tài liệu

a) Văn bản của Trung ương

(1) Nghị quyết số 16-NQ/TW, ngày 21/7/2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đồng Nai đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2065.

(2) Chỉ thị số 09-CT/TW, ngày 20/7/2026 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc thực hiện dân chủ ở cơ sở trong giai đoạn mới.

(3) Chỉ thị số 11-CT/TW, ngày 20/7/2026 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và phát huy vai trò của các hội quần chúng trong giai đoạn phát triển mới.

(4) Kết luận số 83-KL/TW, ngày 08/8/2026 của Bộ Chính trị về phát triển công nghiệp vật liệu Việt Nam.

(5) Quy định số 210-QĐ/TW, ngày 01/8/2026 của Bộ Chính trị quy định một số điểm về kết nạp đảng viên đối với người theo tôn giáo và đảng viên là người tôn giáo tham gia sinh hoạt tôn giáo (**MẬT**).

(6) Chỉ thị số 10-CT/TW, ngày 20/7/2026 của Ban Bí thư về tăng cường giáo dục lý luận chính trị, lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, ý thức công dân trong hệ thống giáo dục quốc dân, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong tình hình mới.

(7) Chỉ thị số 12-CT/TW, ngày 19/8/2026 của Ban Bí thư về đổi mới, nâng cao chất lượng công tác xây dựng Đảng trong khu vực kinh tế tư nhân.

(8) Kết luận số 71-KL/TW, ngày 17/7/2026 của Ban Bí thư về quản lý, sử dụng tín chỉ carbon phục vụ phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc gia (**TỐI MẬT**).

(9) Hướng dẫn số 02-HD/TW, ngày 07/8/2026 của Ban Bí thư một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng.

(10) Thông báo số 134-TB/VPTW, ngày 02/08/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về Thông báo Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại phiên họp của Ban Chỉ đạo Trung ương thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị

(11) Thông báo số 139-TB/VPTW, ngày 8/8/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về Thông báo Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc với các cơ quan về tình hình thực hiện Nghị quyết số

13-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI và Kết luận số 72-KL/TW của Bộ Chính trị khóa XIII về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

b) Văn bản của Tỉnh ủy

(12) Chỉ thị số 10-CT/TU, ngày 03/8/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh, trật tự trong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để triển khai các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh.

(13) Chương trình hành động số 23-CTr/TU, ngày 10/8/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW, ngày 19/5/2026 của Bộ Chính trị về triển khai đường lối đối ngoại Đại hội XIV của Đảng (**MẬT**).

(14) Kế hoạch số 106-KH/TU, ngày 03/8/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW, ngày 06/6/2026 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác kiểm sát nhân dân trong giai đoạn mới.

(15) Kế hoạch số 114-KH/TU, ngày 17/8/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 80-KL/TW, ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW, ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, Nhân dân.

(16) Quy định số 24-QĐ/TU, ngày 14/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ.

Nội dung quán triệt cần tập trung làm rõ: bối cảnh, lý do ban hành, sự cần thiết và ý nghĩa của việc ban hành văn bản, quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm; những điểm mới và các nội dung liên quan trực tiếp đến ngành, lĩnh vực, cơ quan, đơn vị; trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và từng cán bộ, đảng viên trong tổ chức thực hiện... Đối với các chủ trương liên quan trực tiếp đến ngành, lĩnh vực, các cơ quan, đơn vị phải tổ chức quán triệt chuyên sâu cho cán bộ, đảng viên và người lao động. Không quán triệt nguyên văn tài liệu, không dàn trải nội dung.

c) Tài liệu học tập (có phụ lục và đường link gửi kèm theo)¹.

¹ <https://drive.google.com/drive/folders/175SwtPpgvWl6186SD6Kn2n2JE0Jrw0Zv?usp=sharing>

1.2. Đối tượng học tập, quán triệt

- Đảng viên; công chức, viên chức chưa là đảng viên đang công tác trong hệ thống chính trị tỉnh đều phải học tập, quán triệt.

- Cán bộ lãnh đạo các cấp, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, giảng viên giảng dạy lý luận chính trị phải nghiên cứu sâu, nắm vững nội dung cốt lõi, những điểm mới trong các chủ trương, nghị quyết để trực tiếp truyền đạt, tuyên truyền và tổ chức thực hiện tại địa phương, cơ quan, đơn vị.

1.3. Hình thức, thời gian và báo cáo viên

- Hình thức: Các cấp ủy, tổ chức đảng tổ chức hội nghị học tập, quán triệt phù hợp với điều kiện thực tế như: Hội nghị trực tiếp; trực tiếp kết hợp trực tuyến; lồng ghép trong sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt chuyên đề... Không tổ chức hội nghị riêng đối với những nội dung đã được hướng dẫn đầy đủ bằng văn bản và không phát sinh yêu cầu mới; tăng thời lượng trao đổi, thảo luận khắc phục tình trạng dàn trải, truyền đạt một chiều.

- Thời gian: ½ ngày, hoàn thành trước ngày 10/10/2026.

- Báo cáo viên: Cấp ủy phân công đồng chí bí thư, phó bí thư hoặc cấp ủy viên hoặc báo cáo viên của đảng bộ trực tiếp quán triệt; trường hợp cần thiết có thể mời báo cáo viên cấp trên. Báo cáo viên phải chuẩn bị đề cương bài giảng ngắn gọn, rõ trọng tâm, liên hệ sát thực tiễn, tích cực áp dụng công nghệ thông tin. Khuyến khích báo cáo viên biên soạn nội dung, biên dịch sang tiếng dân tộc thiểu số để quán triệt phù hợp với tình hình thực tiễn.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến

2.1. Nội dung tuyên truyền, phổ biến

Các nội dung được nêu tại mục 1.1 của Hướng dẫn (*trừ văn bản Tối mật, Mật*) và các quy định sau:

(1) Quy định số 214-QĐ/TW, ngày 18/8/2026 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về đối ngoại và hội nhập quốc tế.

(2) Quy định số 205-QĐ/TW, ngày 26/6/2026 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

(3) Quy định số 211-QĐ/TW, ngày 07/8/2026 của Ban Bí thư về quản lý hồ sơ cán bộ.

2.2. Hình thức tuyên truyền, phổ biến

- Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, cổng/trang thông tin điện tử, trên internet, mạng xã hội (zalo, facebook, youtube, tiktok,...); chú trọng tuyên truyền trên các nền tảng mạng xã hội có lượng tương tác lớn; các ấn phẩm mang tính báo chí, các tài liệu, bản tin sinh hoạt chi bộ với nội dung dễ hiểu, phù hợp với các đối tượng; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin (*xây dựng video clip, infographic nội dung ngắn gọn, dễ hiểu...*).

- Tuyên truyền thông qua hệ thống thông tin cơ sở; các hội nghị nội bộ, hội nghị cấp ủy mở rộng, hội nghị báo cáo viên, sinh hoạt thường kỳ của các tổ chức đoàn thể; tuyên truyền miệng thông qua đội ngũ báo cáo viên các cấp, tuyên truyền viên cơ sở, tăng cường tuyên truyền bằng tiếng dân tộc thiểu số tại địa bàn có đông đồng bào dân tộc sinh sống.

2.3. Thời gian tuyên truyền, phổ biến: Thường xuyên gắn với việc triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy

- Chỉ đạo tổ chức quán triệt, học tập, tuyên truyền, triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ, chất lượng, phù hợp với điều kiện thực tiễn; xây dựng chương trình hành động hoặc kế hoạch thực hiện sát với chức năng, nhiệm vụ bảo đảm rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và tính khả thi; phân công rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ kết quả, rõ trách nhiệm, tăng cường phối hợp giữa các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, khảo sát việc tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện tại cơ sở. Lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ làm căn cứ đánh giá tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên.

- Chủ động nắm tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân, kịp thời giải quyết những vấn đề mới phát sinh, tránh để xảy ra những điểm “nóng”; phát huy vai trò của cấp ủy, ban chỉ đạo 35, ban công tác 35 trong đấu tranh, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch, tạo sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội, quyết tâm đưa chủ trương, nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

- Tổ chức tốt công tác thông tin, tuyên truyền cho cán bộ, đoàn viên, hội

viên về triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết, quy định, kết luận của Trung ương, của tỉnh, phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Vận động cán bộ, đoàn viên, hội viên, công chức, viên chức và người lao động tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, hăng hái học tập, thi đua lao động sản xuất, phát triển kinh tế; giám sát, phản biện xã hội góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của Nhân dân.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Tăng cường chỉ đạo, định hướng tuyên truyền theo thế mạnh của ngành, tích cực tuyên truyền trên các loại hình báo chí; phối hợp chỉ đạo đẩy mạnh tuyên truyền trên các nền tảng mạng xã hội có lượt tương tác lớn; tuyên truyền trên fanpage Ủy ban nhân dân tỉnh, Cổng Thông tin đối ngoại tỉnh,...

- Chú trọng công tác quản lý nhà nước về báo chí, nhất là việc quản lý thông tin trên không gian mạng; chủ động phát hiện, đấu tranh, phối hợp xử lý nghiêm các hành vi phát tán thông tin sai trái, xuyên tạc, tin giả, tin xấu độc, gây hoang mang trong Nhân dân, ảnh hưởng tiêu cực đến việc triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của tỉnh.

4. Báo và Phát thanh, truyền hình Lai Châu, Tạp chí Văn nghệ Lai Châu, Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Trang Thông tin điện tử Tỉnh ủy

- Bám sát nội dung hướng dẫn, xây dựng kế hoạch tuyên truyền, tăng cường tuyển tin, bài, phóng sự tuyên truyền việc triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và của tỉnh.

- Tăng cường thông tin, tuyên truyền biểu dương gương các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong triển khai thực hiện các nghị quyết, quy định, kết luận của Trung ương, của tỉnh; xây dựng tuyển tin, bài viết đấu tranh, phản bác các thông tin, quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc, kích động, chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ.

5. Phòng Lý luận chính trị, lịch sử Đảng

- Phối hợp các phòng chuyên môn tham mưu, theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện. Biên tập nội dung tài liệu phục vụ hiệu quả việc quán triệt, học tập, tuyên truyền trong toàn Đảng bộ tỉnh.

- Tổng hợp báo cáo kết quả đợt nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển

khai thực hiện theo quy định.

6. Kết thúc đợt quán triệt, học tập đề nghị các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cơ quan tư tưởng - văn hóa tỉnh báo cáo kết quả thực hiện về Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy trước ngày 15/10/2026.

Trong quá trình thực hiện có khó khăn vướng mắc, đề nghị liên hệ đồng chí Đỗ Thị Kim Nhung, điện thoại 0962276927.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tư tưởng - văn hóa tỉnh;
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Ban tuyên giáo và dân vận/ban xây dựng đảng (tuyên huấn/phòng chính trị) các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo Ban;
- Các phòng chuyên môn, Văn phòng Ban;
- Lưu VT.

**K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Lý Văn Tải

NỘI DUNG TÀI LIỆU CƠ BẢN, CỐT LÕI

(Kèm theo Hướng dẫn số 60-HD/BTGDVTU, ngày 25/8/2026 của Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy)

I- NGHỊ QUYẾT SỐ 16-NQ/TW, NGÀY 21/7/2026 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI ĐẾN NĂM 2035, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2065

1. Bối cảnh, sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Trong những năm qua, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Đồng Nai đã nỗ lực phấn đấu, đạt nhiều thành tựu quan trọng; quy mô kinh tế không ngừng mở rộng, công nghiệp tiếp tục là động lực tăng trưởng; môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện; thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài đạt kết quả tích cực; kết cấu hạ tầng từng bước được đầu tư; văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, an sinh xã hội được quan tâm; đời sống Nhân dân được cải thiện; quốc phòng, an ninh được giữ vững, đối ngoại và hội nhập quốc tế đạt nhiều kết quả quan trọng. Tuy nhiên, việc phát huy tiềm năng, lợi thế còn hạn chế; cơ cấu kinh tế chuyển dịch chưa thật sự bền vững; giá trị gia tăng và hàm lượng công nghệ chưa cao; cơ sở hạ tầng còn hạn chế; phát triển đô thị chưa phù hợp với đô thị sân bay trung chuyển quốc tế; năng lực đổi mới sáng tạo, chất lượng nguồn nhân lực còn thấp; quản lý quy hoạch, đất đai, tài nguyên, môi trường còn bất cập.

Trong thời gian tới, thành phố Đồng Nai cần phát huy vai trò tiên phong mở đường về mô hình phát triển, thể chế và phương thức quản trị hiện đại, tạo sức lan tỏa, đóng góp ngày càng lớn cho phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

2. Nội dung trọng tâm, cốt lõi của Nghị quyết

2.1. Quan điểm chỉ đạo

(1) Xây dựng và phát triển thành phố Đồng Nai là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và cả hệ thống chính trị. Xác lập thể chế, cơ chế, chính sách vượt trội, đột phá, tạo điều kiện thuận lợi nhất để thành phố phát triển trên cơ sở phân cấp, phân quyền triệt để (*trừ các nội dung về quốc phòng, an ninh, đối ngoại và tôn giáo*) gắn với cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực phù hợp.

(2) Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị thành phố Đồng Nai trong sạch, vững mạnh, có bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu; đội ngũ cán bộ đoàn kết, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

(3) Đổi mới tư duy phát triển và quy hoạch thành phố Đồng Nai với tầm nhìn chiến lược dài hạn theo không gian phát triển mở, hạ tầng giao thông đa chiều, cấu trúc đô thị đa tầng, đa trung tâm hiện đại, lấy hệ thống sông và hệ sinh thái tự nhiên làm trục cảnh quan chủ đạo; phát triển giao thông thông minh, đô thị thông minh, xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển thành phố trở thành đô thị đặc biệt, cửa ngõ chiến lược của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, gắn kết chặt chẽ với các vùng Đông Nam Bộ, duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long, cả nước, khu vực và quốc tế.

(4) Phát triển mô hình tăng trưởng mới trên cơ sở lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chủ yếu; đưa thành phố phát triển trở thành cực tăng trưởng đa chức năng, có vai trò dẫn dắt về công nghiệp hàng không, vũ trụ, công nghiệp công nghệ cao, logistics, thương mại biên giới, nông nghiệp công nghệ cao, đổi mới sáng tạo gắn với phát huy vị trí trung tâm chiến lược của “đô thị sân bay”, kết nối toàn cầu, phát triển ngang tầm với các đô thị sân bay lớn trong khu vực và quốc tế.

(5) Xây dựng và phát triển thành phố Đồng Nai “Văn minh - Hiện đại - Hạnh phúc”; lấy con người làm trung tâm, chủ thể, nguồn lực, mục tiêu và là đối tượng thụ hưởng của sự phát triển; bảo đảm phát triển hài hoà, công bằng giữa các vùng, các nhóm dân cư, dân tộc, tôn giáo; lấy giá trị văn hóa, bảo vệ môi trường, nâng cao sức khỏe, đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân là trụ cột của sự phát triển bền vững.

(6) Xây dựng khu vực biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Xác định bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia, an ninh biên giới, bảo đảm quốc phòng, an ninh là điều kiện tiên quyết và nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên để tạo nền tảng vững chắc cho phát triển nhanh, bền vững.

2.2. Mục tiêu, chỉ tiêu

- Mục tiêu:

+ Đến năm 2035: Thành phố Đồng Nai phấn đấu trở thành đô thị theo mô hình đô thị sân bay, đô thị ven sông, đô thị đa trung tâm, đa mục tiêu, xanh, thông minh với trung tâm công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hàng không, vũ trụ, kinh tế hàng không tiêu chuẩn quốc tế; người dân có thu nhập cao; xã hội văn minh, an toàn, hạnh phúc.

+ Đến năm 2045: Thành phố Đồng Nai trở thành trung tâm hàng không hiện đại của khu vực châu Á - Thái Bình Dương, là trung tâm kinh tế tri thức, phát triển năng động; chỉ số phát triển con người (HDI) đạt mức cao; quản trị đô thị hiện đại; xã hội văn minh, an toàn, đáng sống, hạnh phúc.

+ Đến năm 2065: Thành phố Đồng Nai là thành phố kết nối toàn cầu, có

chất lượng sống và hạnh phúc cao trên thế giới; thuộc nhóm các đô thị sân bay đa chức năng.

- Chỉ tiêu:

+ Giai đoạn 2026 - 2030: Tăng trưởng GRDP từ 10%/năm trở lên; đến năm 2030, quy mô GRDP 44 tỉ USD, GRDP bình quân đầu người 9.200 USD; kinh tế số chiếm tối thiểu 30% GRDP; tỷ lệ đô thị hóa 65%.

+ Giai đoạn 2031 - 2035: Tăng trưởng GRDP từ 10%/năm trở lên; đến năm 2035, quy mô GRDP 70 tỉ USD, GRDP bình quân đầu người 13.000 USD; kinh tế số chiếm tối thiểu 40% GRDP.

+ Giai đoạn 2036 - 2045: Tăng trưởng GRDP từ 10%/năm trở lên; đến năm 2045, quy mô GRDP 150 tỉ USD, GRDP bình quân đầu người 23.000 USD, thuộc nhóm cao trong khu vực; tăng tỉ trọng kinh tế số trong GRDP.

+ Giai đoạn 2046 - 2065: Tăng trưởng GRDP từ 8%/năm trở lên; đến năm 2065, quy mô GRDP 600 tỉ USD, GRDP bình quân đầu người 67.500 USD.

2.3. Nhiệm vụ và giải pháp

(1) Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị toàn diện, trong sạch, vững mạnh; tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động thông suốt, hiệu lực, hiệu quả; xác định xây dựng Đảng, tổ chức và cán bộ là yếu tố quan trọng, cốt lõi của quản trị thành phố. Đổi mới phương thức lãnh đạo, quản lý, điều hành; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh, năng lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Chuyên mạnh từ quản lý sang quản trị phát triển; từ quản lý hành chính truyền thống sang quản trị đô thị hiện đại dựa trên pháp quyền, dữ liệu, phân cấp, phân quyền và trách nhiệm giải trình; đẩy mạnh kiểm soát quyền lực, công tác tuyên giáo, dân vận và mặt trận; xây dựng hệ thống chính trị từ cơ sở gần dân, vì dân, phục vụ Nhân dân.

(2) Quy hoạch phát triển thành phố Đồng Nai với tầm nhìn chiến lược, dài hạn

Quy hoạch tổng thể thành phố Đồng Nai có tầm nhìn dài hạn 100 năm, tổ chức không gian phát triển theo hướng mở, linh hoạt, đa trung tâm, đa cực, đa tầng; liên kết đồng bộ mặt đất, mặt nước, vùng trời, lòng đất, không gian số; gắn kết kinh tế đô thị, kinh tế hàng không, kinh tế cửa khẩu và kinh tế nội địa.

Thực hiện quy hoạch tích hợp đa ngành, lấy giao thông công cộng làm trung tâm; siết chặt quản lý đất đai, tài nguyên, đô thị; quy hoạch và phát triển

sông Đồng Nai trở thành trục không gian chiến lược, giữ vai trò trung tâm về sinh thái, văn hóa, cảnh quan và phát triển đô thị.

(3) Xây dựng thể chế đột phá và chính sách huy động nguồn lực phát triển thành phố Đồng Nai

Thực hiện phân cấp, phân quyền triệt để cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trong các lĩnh vực theo quy định; tăng thẩm quyền, trách nhiệm người đứng đầu gắn với kiểm soát quyền lực.

Cho phép áp dụng một số cơ chế, chính sách đặc thù, tương đồng với cơ chế, chính sách áp dụng đối với Thành phố Hồ Chí Minh trên một số lĩnh vực; thành lập và phát triển các khu kinh tế đặc biệt, khu thương mại tự do, khu công nghệ tập trung, khu đổi mới sáng tạo, khu giáo dục đại học gắn với đô thị sân bay Long Thành. Huy động, khai thác hiệu quả các nguồn lực đầu tư công, đầu tư xã hội, đầu tư nước ngoài, kiều hối; thu hút nhà đầu tư chiến lược, chuyên gia giỏi, chuyên gia đầu ngành; phát triển tài sản trí tuệ, trí tuệ nhân tạo và khai thác thương mại tài sản trí tuệ.

(4) Phát triển đồng bộ hệ sinh thái hàng không

Phát triển tổng thể đô thị sân bay Long Thành và vùng phụ cận, kết nối Đông Nam Bộ, đồng bằng sông Cửu Long, duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và hành lang kinh tế xuyên biên giới; bảo đảm tiến độ sân bay Long Thành giai đoạn 2, đường sắt Biên Hòa - Vũng Tàu và hạ tầng kết nối. Phát triển Cảng hàng không quốc tế Long Thành thành cửa ngõ hàng không quốc tế chủ lực, trung tâm trung chuyển quốc tế của Việt Nam, nút giao chiến lược của chuỗi cung ứng khu vực, quốc tế; kết nối Hành lang kinh tế Long Thành - Hoa Lư, Long Thành - Tây Nguyên, cảng Phước An, cảng Cái Mép và Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư.

Xây dựng hệ sinh thái hàng không hiện đại, đồng bộ, kết nối đa phương thức; phát triển công nghiệp hàng không, vũ trụ, dịch vụ hàng không và dịch vụ cao cấp chuẩn quốc tế; hình thành trung tâm dịch vụ, tài chính - thương mại hàng không quốc tế. Phát triển hạ tầng vùng sân bay, khu vực Long Thành - Nhơn Trạch đáp ứng quy mô dân số 2,5 triệu người trở lên, hướng tới hình thành đô thị sân bay, vùng sân bay trung chuyển chuẩn quốc tế.

(5) Phát triển kết cấu hạ tầng chiến lược và không gian đô thị hiện đại

Phát triển hạ tầng chiến lược thể hệ mới, ưu tiên hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị, hạ tầng số, logistics, năng lượng; liên thông các vùng động lực và hành lang phát triển; ưu tiên trục giao thông kết nối chuỗi logistics, Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ - Cảng Cái Mép Hạ - Cảng hàng không quốc tế Long Thành.

Phát triển đô thị xanh, thông minh, hiện đại, đa mục tiêu; lấy giao thông công cộng làm trung tâm; khai thác hiệu quả không gian ngầm, tầm thấp, cận biển, trên cao; tái cấu trúc, tái thiết đô thị; phát triển đô thị ven sông, đô thị đa chức năng, đa mục tiêu. Phát triển kinh tế đô thị hiện đại; phát triển nông thôn đa ngành, đa giá trị; tăng cường sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và bảo đảm chuyển đổi công bằng.

(6) Xây dựng mô hình tăng trưởng mới dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn

Xác lập mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học, công nghệ, kinh tế tri thức, chuyển đổi số, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp; phát triển kinh tế số, kinh tế dữ liệu, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tầm thấp, kinh tế bạc và các mô hình kinh tế mới có giá trị gia tăng cao.

Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thu hút các tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới; phát triển hạ tầng công nghệ, trung tâm dữ liệu, trí tuệ nhân tạo (AI), điện toán đám mây, công nghiệp bán dẫn, lượng tử, công nghiệp sinh học, vật liệu mới, hạ tầng số và đổi mới sáng tạo; hình thành hệ sinh thái công nghệ có năng lực cạnh tranh khu vực, quốc tế.

(7) Phát triển toàn diện văn hóa, giáo dục, y tế, con người Đồng Nai

Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị lịch sử, văn hóa truyền thống vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai; phát triển công nghiệp văn hóa, thể thao thành tích cao, thiết chế văn hóa, du lịch thông minh gắn với chuyển đổi số.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; gắn giáo dục đại học với hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; tăng cường liên kết giữa cơ sở giáo dục đại học với doanh nghiệp, viện nghiên cứu, khu công nghiệp, khu công nghệ cao và hệ sinh thái sân bay Long Thành; hình thành các trung tâm đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực trọng điểm.

Phát triển hệ thống y tế toàn diện, hiện đại, đồng bộ, công bằng, bền vững, hiệu quả; củng cố y tế cơ sở, y tế dự phòng; phát triển kỹ thuật cao, y tế thông minh, chuyển đổi số y tế; phát triển y tế tư nhân, du lịch y tế, mô hình chăm sóc người cao tuổi; tăng cường an sinh xã hội, bảo hiểm y tế, nhà ở xã hội; nghiên cứu, thí điểm xây dựng xã, phường xã hội chủ nghĩa.

(8) Bảo đảm quốc phòng, an ninh và ổn định trật tự xã hội; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

Giữ vững ổn định quốc phòng, an ninh, chủ quyền biên giới; chủ động nắm chắc tình hình, dự báo đúng, phòng ngừa từ sớm, từ xa, từ cơ sở; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; kiên quyết không để bị động, bất ngờ, không để hình thành điểm nóng, vấn đề phức tạp kéo dài.

Đổi mới toàn diện công tác, xây dựng lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; kết hợp con người với khoa học, công nghệ và dữ liệu số; nâng cao năng lực cảnh báo sớm, quản trị rủi ro, xử lý nhanh tình huống; kéo giảm bền vững tội phạm. Nâng cao hiệu quả đối ngoại; tăng cường hợp tác liên vùng và quốc tế trong phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh mạng, quản lý di cư, bảo vệ công dân; chủ động giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, an ninh biên giới quốc gia.

II- CHỈ THỊ SỐ 09-CT/TW, NGÀY 20/7/2026 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI VIỆC THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

1. Tình hình

Thời gian qua, dân chủ được mở rộng trên nhiều lĩnh vực; dân chủ trực tiếp có nhiều đổi mới về nội dung, phương thức, huy động được sự tham gia của nhân dân vào quá trình xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật; dân chủ đại diện tiếp tục được phát huy, góp phần phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, xây dựng Đảng, hệ thống chính trị, củng cố đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động nguồn lực phát triển, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội, quốc phòng, an ninh và tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước.

Tuy nhiên, một số cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và Nhân dân chưa nhận thức đầy đủ về thực hiện dân chủ ở cơ sở; công tác cụ thể hóa, tổ chức thực hiện còn chậm, chưa đồng bộ; một số nơi còn hình thức, kém hiệu quả; hoạt động lợi dụng dân chủ còn phức tạp, nhất là trên không gian mạng, gây mất đoàn kết, chia rẽ nội bộ, ảnh hưởng tiêu cực đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng quán triệt thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

2. Nhiệm vụ, giải pháp

2.1. Thống nhất trong toàn Đảng và hệ thống chính trị quan điểm chỉ đạo về thực hiện dân chủ ở cơ sở trong giai đoạn mới

Quán triệt sâu sắc, thực hành triệt để quan điểm “Dân là gốc”; dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực của phát triển đất nước. Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, quản lý của Nhà nước, vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.

Thực hiện dân chủ ở cơ sở gắn với xây dựng Đảng, hệ thống chính trị, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, chính quyền địa phương 2 cấp; phát

huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và vai trò làm chủ của Nhân dân.

Mở rộng dân chủ ở cơ sở trên nguyên tắc kết hợp dân chủ - kỷ cương - pháp quyền; gắn quyền lợi và trách nhiệm, thúc đẩy đối thoại xã hội, kiên quyết đấu tranh với các biểu hiện, hành vi lợi dụng dân chủ để gây mất đoàn kết, chia rẽ nội bộ, chống phá Đảng, Nhà nước.

2.2. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo; tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở

Xác định thực hiện dân chủ ở cơ sở là nhiệm vụ chính trị thường xuyên, quan trọng trong công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; cụ thể hóa trong nghị quyết, chương trình, kế hoạch phù hợp với hệ thống chính trị và vận hành chính quyền địa phương 2 cấp.

Nghiên cứu đưa kết quả thực hiện dân chủ ở cơ sở thành tiêu chí đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp và cán bộ, đảng viên hằng năm. Xây dựng, rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật; cụ thể hóa phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”.

2.3. Đổi mới phương thức tuyên truyền, vận động, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện dân chủ ở cơ sở

Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức; chủ động cung cấp thông tin chính thống, kịp thời về những vấn đề Nhân dân quan tâm.

Tăng cường lắng nghe, phản hồi, tương tác, đối thoại trực tiếp, trực tuyến giữa cấp ủy, chính quyền với Nhân dân, doanh nghiệp; phát huy quyền giám sát, phản biện xã hội; nâng cao chất lượng tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

Chủ động đấu tranh, xử lý các hành vi lợi dụng dân chủ, nhất là trên không gian mạng, gây mất đoàn kết, chia rẽ nội bộ, ảnh hưởng an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

2.4. Đổi mới phương thức thực hiện dân chủ ở cơ sở thích ứng không gian số, dữ liệu mở, bảo đảm công khai, minh bạch

Đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, quản lý, điều hành trong thực hiện dân chủ ở cơ sở; nghiên cứu ban hành Bộ tiêu chí “3 công khai - 3 giám sát”: công khai mục tiêu - nguồn lực - tiến độ; giám sát bởi Nhân dân - Mặt trận - Báo chí.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và số hóa các văn bản liên quan. Nghiên cứu các hình thức thực hiện dân chủ trên nền tảng số, dữ liệu mở; xây dựng không gian dân chủ số quốc gia,

tạo điều kiện để Nhân dân góp ý, hiến kế, giám sát, phản biện, đồng thời bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin.

2.5. Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực, hiệu quả của đội ngũ cán bộ, công chức trong thực hiện dân chủ ở cơ sở

Kết thúc hoạt động của ban chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ các cấp; cấp ủy, đồng chí bí thư cấp ủy các cấp trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, chịu trách nhiệm về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Hoàn thiện mô hình, cơ chế hoạt động của ban thanh tra nhân dân, ban giám sát đầu tư của cộng đồng; hình thành các mô hình “tự quản - tự chủ - tự giám sát” ở cộng đồng dân cư.

Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng thực hành dân chủ cho cán bộ, công chức; lấy niềm tin, sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm tiêu chí quan trọng đánh giá cán bộ, công chức; kịp thời khen thưởng, nhân rộng mô hình, cách làm hay, sáng tạo.

2.6. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện dân chủ ở cơ sở gắn với thực hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu

Hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện pháp luật về dân chủ ở cơ sở; quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn, thời hạn giải quyết, chế tài xử lý vi phạm.

Đưa nội dung thực hiện dân chủ ở cơ sở vào chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm và đột xuất; tăng cường kiểm tra, giám sát thực chất, tránh hình thức; làm rõ trách nhiệm, tăng chế tài, xử lý kịp thời, dứt điểm những yếu kém, bất cập.

Cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu phát huy trách nhiệm nêu gương, tuân thủ pháp luật; chủ động đối thoại, tiếp xúc, lắng nghe, giải quyết kịp thời những vấn đề Nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động quan tâm.

3. Gợi ý liên hệ, vận dụng với chi bộ, đảng viên

3.1. Đối với chi bộ: Quán triệt, triển khai nghiêm túc Chỉ thị số 09-CT/TW; đưa nội dung việc thực hiện dân chủ vào sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt chuyên đề; phát huy vai trò nêu gương của cấp ủy, người đứng đầu; đấu tranh với biểu hiện lợi dụng dân chủ, gây mất đoàn kết nội bộ; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những biểu hiện hình thức, thiếu trách nhiệm, bảo đảm dân chủ thực chất, hiệu quả.

3.2. Đối với đảng viên: Gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tích cực, chủ động tham gia ý kiến, thảo luận, tôn trọng,

lắng nghe và tiếp thu ý kiến chính đáng của đồng chí, đồng nghiệp và Nhân dân. Thực hiện tốt trách nhiệm nêu gương, giữ gìn đoàn kết nội bộ, kỷ luật, kỷ cương; kịp thời phản ánh những biểu hiện vi phạm quyền dân chủ hoặc lợi dụng dân chủ để gây ảnh hưởng đến tổ chức, cơ quan, đơn vị.

III- CHỈ THỊ SỐ 10-CT/TW, NGÀY 20/7/2026 CỦA BAN BÍ THƯ VỀ TĂNG CƯỜNG GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ, LÝ TƯỞNG CÁCH MẠNG, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG, Ý THỨC CÔNG DÂN TRONG HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC TRONG TÌNH HÌNH MỚI

1. Tình hình

Sau hơn 10 năm thực hiện Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư khoá XI về tiếp tục đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân, nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan quản lý, cơ sở giáo dục, cán bộ, đảng viên và người học ngày càng được nâng lên; nội dung, chương trình, giáo trình, học liệu, đội ngũ giảng dạy từng bước được chuẩn hoá; kỷ luật, kỷ cương, nền nếp dạy và học được tăng cường; nhận thức về lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, ý thức công dân của người học có chuyển biến tích cực.

Tuy nhiên, một số nội dung, chương trình, phương pháp còn nặng về truyền thụ kiến thức; tính thuyết phục, khả năng chuyển hóa thành nhận thức, trách nhiệm và hành vi tích cực chưa cao. Chất lượng đội ngũ giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý chưa đồng đều; phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá và quản lý chậm đổi mới. Một bộ phận người học có biểu hiện phai nhạt lý tưởng, thiếu ý thức rèn luyện; trách nhiệm xã hội, ý thức tuân thủ pháp luật, kỹ năng ứng xử trên không gian mạng còn hạn chế; dễ bị tác động bởi thông tin xấu độc, quan điểm sai trái, lối sống lệch chuẩn.

2. Nhiệm vụ, giải pháp

Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục và các cơ quan, tổ chức có liên quan tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

2.1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền và người đứng đầu; phát huy vai trò, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị; xác định giáo dục lý luận chính trị là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên; xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện sát với từng cấp học, bậc học, loại hình, địa bàn và đối tượng đào tạo; xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm, tiến độ và kết quả thực hiện.

2.2. Rà soát, hoàn thiện nội dung, chương trình, giáo trình giáo dục lý luận chính trị; kịp thời cập nhật những thành tựu về lý luận và thực tiễn, nhất là Nghị quyết Đại hội XIV và các nghị quyết mới của Đảng. Rà soát, cập nhật các môn lý luận chính trị và các nội dung giáo dục công dân, lịch sử, văn hoá, pháp luật, đạo đức, kỹ năng xã hội; kiểm soát chặt chẽ chất lượng chương trình, nội dung giáo trình, tài liệu tham khảo, học liệu số và nội dung giáo dục trong các chương trình liên kết, hợp tác quốc tế.

2.3. Đổi mới mạnh mẽ phương pháp và hình thức tổ chức giảng dạy; kết hợp linh hoạt giữa học trực tiếp và trực tuyến, chính khóa và ngoại khóa; tăng cường ứng dụng công nghệ số, học liệu số và phương pháp giáo dục hiện đại. Đa dạng hóa hình thức giáo dục, gắn lý luận với thực tiễn, học đi đôi với hành, nói đi đôi với làm. Xây dựng môi trường học đường lành mạnh, văn minh, an toàn, nhân văn, kỷ cương; hoàn thiện bộ quy tắc ứng xử trong nhà trường và trên không gian mạng. Kiểm tra, đánh giá toàn diện, thực chất về nhận thức, thái độ, hành vi, ý thức tuân thủ pháp luật và trách nhiệm công dân của người học.

2.4. Xây dựng đội ngũ giảng viên, giáo viên lý luận chính trị đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Rà soát, hoàn thiện quy định về chuẩn nghề nghiệp, tiêu chuẩn chức danh, chuẩn năng lực; thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp; phát huy tính tiên phong, nêu gương. Có cơ chế, chính sách đặc thù để tuyển dụng, thu hút sinh viên giỏi theo học chuyên ngành lý luận chính trị. Đổi mới đồng bộ công tác quản lý đội ngũ giảng viên, giáo viên.

2.5. Hoàn thiện cơ chế quản lý và bảo đảm chất lượng giáo dục lý luận chính trị; xây dựng hệ thống tiêu chí, chỉ số đánh giá thống nhất, công khai, minh bạch; tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện; hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Giữ vững kỷ cương, nền nếp; phòng ngừa, ngăn chặn tiêu cực, biểu hiện lệch chuẩn; kịp thời biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân thực hiện tốt và xử lý nghiêm vi phạm.

2.6. Phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền trong nhà trường; xây dựng văn hoá ứng xử, chuẩn mực đạo đức, ý thức công dân; phát huy hiệu quả các phong trào, hoạt động của Đoàn, Hội, Đội trong giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên.

2.7. Đẩy mạnh chuyển đổi số; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, học liệu và các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục lý luận chính trị. Huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội, khuyến khích hợp tác công tư trong đầu tư phát triển giáo dục, ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số. Ưu tiên đầu tư cơ

sở vật chất, trang thiết bị, không gian học tập; bảo đảm điều kiện phục vụ giáo dục toàn diện, phát triển phẩm chất, năng lực của người học.

3. Gợi ý liên hệ, vận dụng với chi bộ, đảng viên

3.1. Đối với chi bộ: Quán triệt, triển khai nghiêm túc Chỉ thị số 10-CT/TW; đưa nội dung giáo dục lý luận chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên vào sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt chuyên đề; phát huy vai trò nêu gương của cấp ủy, người đứng đầu. Tăng cường công tác tuyên truyền, chủ động nắm bắt, định hướng tư tưởng; nâng cao khả năng nhận diện, đấu tranh với thông tin xấu độc, quan điểm sai trái trên không gian mạng. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong giáo dục lý luận chính trị, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên.

3.2. Đối với đảng viên: Gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước; chủ động học tập, nâng cao bản lĩnh chính trị, tu dưỡng đạo đức, lối sống, ý thức trách nhiệm; chấp hành tốt kỷ luật, kỷ cương, nói đi đôi với làm; gắn lý luận với thực tiễn, thực hiện tốt tự phê bình và phê bình, góp phần xây dựng chi bộ trong sạch, vững mạnh.

IV- CHỈ THỊ SỐ 11-CT/TW, NGÀY 20/7/2026 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG VÀ PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CÁC HỘI QUẦN CHÚNG TRONG GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN MỚI

1. Tình hình

Sau 14 năm thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TW, ngày 28/8/2012 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các hội quần chúng, nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên đối với tổ chức và hoạt động của các hội quần chúng ngày càng được nâng lên; công tác quản lý nhà nước, thể chế, chính sách, pháp luật từng bước được hoàn thiện; tổ chức của các hội quần chúng được sắp xếp, kiện toàn. Phong trào thi đua yêu nước do các hội quần chúng phát động đã được các tầng lớp Nhân dân tích cực hưởng ứng, tham gia...

Tuy nhiên, việc thực hiện nhiệm vụ của các hội quần chúng có lúc, có nơi chưa thường xuyên, chưa toàn diện, có nội dung chưa đáp ứng yêu cầu; việc thể chế hoá, cụ thể hoá chủ trương của Đảng, hoàn thiện pháp luật của Nhà nước có nội dung chưa kịp thời, thiếu đồng bộ; năng lực tự chủ, tự quản, huy động nguồn lực xã hội, hiệu quả hoạt động và đóng góp thực chất cho xã hội còn hạn chế.

Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp sau:

2. Nhiệm vụ, giải pháp

2.1. Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của các hội quần chúng

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm về vị trí, vai trò của các hội quần chúng trong hệ thống chính trị và đời sống xã hội. Xác định công tác hội quần chúng là một nội dung quan trọng của công tác dân vận, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc và tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân.

Các cấp ủy có trách nhiệm lãnh đạo thường xuyên, toàn diện về chính trị, tư tưởng, tổ chức và định hướng hoạt động hội; tôn trọng tính tự nguyện, tự quản, tự trang trải kinh phí, tự chịu trách nhiệm của hội theo quy định; bảo đảm các hội hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích. Nhà nước hỗ trợ kinh phí cho hội trên cơ sở nhiệm vụ cụ thể do Đảng, Nhà nước giao.

Củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng tổ chức đảng trong các hội; phát huy vai trò hạt nhân chính trị của tổ chức đảng, vai trò nòng cốt, tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong hội. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán đối với tổ chức và hoạt động hội; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật.

Phát huy vai trò tham mưu, đề xuất chủ trương, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, giám sát của các cơ quan, ban đảng; vai trò tư vấn, phối hợp, hỗ trợ của các đơn vị sự nghiệp của Đảng. Phát huy tính chủ động, vai trò chủ trì, nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.

2.2. Phát huy vai trò, trách nhiệm của các hội quần chúng trong xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc

Lấy hội viên, Nhân dân và lợi ích quốc gia - dân tộc làm trung tâm; lấy hiệu quả đóng góp cho xã hội và mức độ hài lòng của hội viên và Nhân dân làm thước đo kết quả hoạt động. Không tổ chức hội theo hệ thống từ Trung ương đến cơ sở khi không cần thiết. Phân định rõ tính chất xã hội của hội quần chúng nói chung với hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ. Làm tốt vai trò tập hợp, đoàn kết, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên và Nhân dân.

Chủ động, tích cực mở rộng và nâng cao hiệu quả đối ngoại Nhân dân, hợp tác quốc tế. Đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng, cập nhật, quản lý, liên thông cơ sở dữ liệu về tổ chức hội, hội viên; ứng dụng nền tảng số trong quản trị, điều hành, kết nối hội viên, cung cấp dịch vụ và tổ chức hoạt động; nâng cao năng lực số, tính chuyên nghiệp, chuyên sâu trong hoạt động hội.

2.3. Hoàn thiện thể chế, pháp luật, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với các hội quần chúng

Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật về hội quần chúng theo hướng đồng bộ, thống nhất, minh bạch, khả thi. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm. Khắc phục tình trạng buông lỏng quản lý nhà nước đối với hội.

Đổi mới cơ chế tài chính theo hướng Nhà nước hỗ trợ trên cơ sở nhiệm vụ cụ thể do Đảng, Nhà nước giao. Xây dựng và vận hành hệ thống tiêu chí, chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động của các hội.

Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ hội có bản lĩnh, phẩm chất đạo đức, năng lực vận động quần chúng, trình độ chuyên môn, kỹ năng quản trị hiện đại, năng lực số và tinh thần phục vụ hội viên, Nhân dân. Có cơ chế thu hút, trọng dụng người có uy tín, tâm huyết, chuyên gia, trí thức, văn nghệ sĩ, doanh nhân, nhân lực trẻ tham gia công tác hội.

Nâng cao hiệu quả phối hợp trong quản lý nhà nước đối với hội, bảo đảm thống nhất, thông suốt, không chồng chéo, không bỏ trống trách nhiệm. Kịp thời chấn chỉnh, sắp xếp, củng cố hoặc đình chỉ hoạt động, giải thể hội, tổ chức trực thuộc hội hoạt động kém hiệu quả, không đúng tôn chỉ, mục đích, không còn phù hợp yêu cầu thực tiễn hoặc có vi phạm pháp luật.

V- CHỈ THỊ SỐ 12-CT/TW, NGÀY 19/8/2026 CỦA BAN BÍ THƯ VỀ ĐỔI MỚI, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG KINH TẾ TƯ NHÂN

1. Tình hình

Sau hơn 7 năm thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW, ngày 18/3/2019 của Ban Bí thư về tăng cường xây dựng tổ chức đảng trong các đơn vị kinh tế tư nhân, công tác xây dựng tổ chức đảng, phát triển đảng viên trong khu vực kinh tế tư nhân đạt một số kết quả tích cực; nhận thức của cấp uỷ, tổ chức đảng, doanh nghiệp, doanh nhân và người lao động đã có chuyển biến rõ nét; các tổ chức đảng từng bước phát huy vai trò hạt nhân chính trị, cầu nối giữa doanh nghiệp với cấp uỷ, chính quyền và người lao động.

Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng chưa tương xứng với quy mô, vị trí, vai trò và tốc độ phát triển, số lượng tổ chức đảng, đảng viên còn thấp; công tác tạo nguồn, bồi dưỡng, kết nạp đảng viên còn gặp nhiều khó khăn; mô hình tổ chức, phương thức hoạt động ở một số nơi chưa phù hợp...

Ban Bí thư yêu cầu cấp uỷ, tổ chức đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

2. Nhiệm vụ, giải pháp

2.1. Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác xây dựng Đảng trong khu vực kinh tế tư nhân

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về vị trí, vai trò của kinh tế tư nhân. Tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp, người lao động nắm rõ điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình kết nạp đảng viên; việc thành lập và nguyên tắc hoạt động của tổ chức đảng trong doanh nghiệp.

Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức tuyên truyền, giáo dục; tăng cường đối thoại, tiếp xúc, gặp gỡ, cung cấp thông tin; lắng nghe và giải quyết kịp thời kiến nghị hợp pháp, chính đáng của doanh nghiệp.

Chú trọng phát hiện, nêu gương, biểu dương và nhân rộng các mô hình tổ chức đảng trong khu vực kinh tế tư nhân; những doanh nhân, đảng viên tiêu biểu, có cách làm đổi mới sáng tạo. Khơi dậy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác, tự nguyện phấn đấu của quần chúng ưu tú để được đứng vào hàng ngũ của Đảng.

2.2. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức đảng trong khu vực kinh tế tư nhân

Xây dựng hệ thống tổ chức đảng trong khu vực kinh tế tư nhân đồng bộ với mô hình tổ chức đảng trong giai đoạn mới. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, hình thức sinh hoạt.

Xây dựng đội ngũ cấp uỷ viên, bí thư chi bộ và đảng viên trong doanh nghiệp. Quan tâm lựa chọn, bồi dưỡng, khuyến khích chủ doanh nghiệp, cán bộ quản lý, người lao động có uy tín, năng lực, phẩm chất chính trị. Nghiên cứu xây dựng tiêu chí đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức đảng. Kịp thời củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động...

Đối với doanh nghiệp đã có đủ đảng viên chính thức nhưng chưa thành lập tổ chức đảng, cấp uỷ có thẩm quyền rà soát, hướng dẫn thành lập theo quy định. Đối với doanh nghiệp chưa đủ điều kiện thành lập tổ chức đảng, cần phân công cấp uỷ viên, đảng viên theo dõi, bồi dưỡng nguồn, tổ chức sinh hoạt đảng phù hợp và xây dựng lộ trình thành lập khi đủ điều kiện. Đối với doanh nghiệp chưa có đảng viên, cần tập trung phát hiện, bồi dưỡng quần chúng ưu tú, tạo nguồn phát triển đảng viên.

2.3. Đổi mới mạnh mẽ công tác tạo nguồn và phát triển đảng viên

Đổi mới mạnh mẽ công tác tạo nguồn, bồi dưỡng, phát triển đảng viên; coi trọng động cơ vào Đảng, phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực nghề nghiệp, uy tín và khả năng đóng góp thực chất; phát huy uy tín, vai trò, bản chất, mục tiêu, lý tưởng và sứ mệnh cao cả của Đảng.

Chú trọng tạo nguồn, bồi dưỡng những người lao động có thành tích xuất sắc; đội ngũ trí thức, kỹ sư, chuyên gia, nhà khoa học, cán bộ quản lý. Tiếp tục đổi mới nội dung các chương trình bồi dưỡng nhận thức về Đảng, bồi dưỡng

đảng viên mới, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp.

2.4. Xây dựng hình ảnh người đảng viên trong khu vực kinh tế tư nhân thời kỳ mới

Người đảng viên trong khu vực kinh tế tư nhân thời kỳ mới phải có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật; khát vọng cống hiến, tiên phong, đổi mới sáng tạo; liêm chính, giỏi chuyên môn, có năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc cao; đi đầu trong làm chủ khoa học, công nghệ, phát triển doanh nghiệp; có uy tín trong doanh nghiệp và được quần chúng tin tưởng, noi theo.

Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp chủ động phát hiện, biểu dương, tôn vinh và nhân rộng những tấm gương đảng viên tiêu biểu trong lao động, sản xuất kinh doanh...

2.5. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác xây dựng Đảng

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác xây dựng Đảng ở khu vực kinh tế tư nhân. Đổi mới phương thức lãnh đạo, quản lý, điều hành và tổ chức hoạt động xây dựng Đảng trên nền tảng số. Thực hiện nguyên tắc “nhập một lần, khai thác nhiều lần”; không yêu cầu doanh nghiệp, tổ chức đảng, đảng viên cung cấp lại thông tin đã có trong hệ thống. Tổ chức xây dựng, cập nhật bản đồ số về tổ chức đảng, đảng viên trong khu vực kinh tế tư nhân.

Đẩy mạnh ứng dụng nền tảng số trong tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, bồi dưỡng nhận thức về Đảng, bồi dưỡng đảng viên mới, quản lý đảng viên, sinh hoạt đảng phù hợp với đặc thù sản xuất kinh doanh linh hoạt, đa địa bàn, theo ca, kíp hoặc thường xuyên biến động.

2.6. Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác xây dựng Đảng khu vực kinh tế tư nhân

Tăng cường sự phối hợp của cấp ủy, tổ chức đảng. Đổi mới nội dung, phương pháp, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội; chủ động nắm tình hình, kịp thời phản ánh, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết khó khăn, vướng mắc.

Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức, phương thức hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội đồng bộ với mô hình tổ chức đảng và đặc điểm của từng loại hình doanh nghiệp. Nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế phân công cán bộ phụ trách để phát triển tổ chức, phong trào công nhân trong các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao và địa bàn có đông doanh nghiệp, công nhân.

2.7. Hoàn thiện cơ chế, chính sách để thành lập và nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức đảng trong khu vực kinh tế tư nhân

Hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức đảng đã được thành lập. Nghiên cứu hoàn thiện cơ chế, chính sách đối với cấp ủy viên, bí thư cấp ủy; khuyến khích tạo điều kiện để cán bộ có năng lực, phẩm chất, uy tín, am hiểu hoạt động sản xuất kinh doanh tham gia công tác đảng.

Xây dựng cơ chế phối hợp giữa cấp ủy, tổ chức đảng với hội đồng quản trị, ban lãnh đạo doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp. Có cơ chế phù hợp để khuyến khích, động viên, biểu dương, khen thưởng doanh nghiệp, doanh nhân tích cực. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định, hướng dẫn về mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, phương thức hoạt động, mối quan hệ công tác của tổ chức đảng.

Nghiên cứu, hoàn thiện các mô hình tổ chức đảng phù hợp với doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp siêu nhỏ; doanh nghiệp hoạt động trên nhiều địa bàn, có lao động phân tán, làm việc theo ca, kíp hoặc thường xuyên biến động.

2.8. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chủ trương, quy định của Đảng về xây dựng tổ chức đảng, phát triển đảng viên. Kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Gắn công tác kiểm tra, giám sát với việc hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nhân rộng mô hình, cách làm hiệu quả; kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người không còn đủ tư cách.

3. Gợi ý liên hệ, vận dụng với chi bộ, đảng viên

3.1. Đối với chi bộ: Quán triệt, triển khai nghiêm túc Chỉ thị số 12-CT/TW; làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, tạo nguồn và phát triển đảng viên trong khu vực kinh tế tư nhân; tăng cường quản lý, giáo dục, kiểm tra, giám sát; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số; chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị và tổ chức liên quan, góp phần xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh, hoạt động thực chất, hiệu quả.

3.2. Đối với đảng viên: Gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước; không ngừng học tập, nâng cao chuyên môn, năng lực số; chủ động đổi mới, sáng tạo, nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc; giữ gìn phẩm chất, đạo đức, kỷ luật, uy tín; phát huy tinh thần trách nhiệm, tính tiên phong, gương mẫu; tích cực tuyên truyền, vận động, giúp đỡ quần chúng và tham gia tạo nguồn phát triển đảng viên.

VI- KẾT LUẬN SỐ 83-KL/TW, NGÀY 08/8/2026 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VẬT LIỆU VIỆT NAM

1. Bối cảnh, sự cần thiết ban hành Kết luận

Trong những năm qua, ngành công nghiệp vật liệu ở Việt Nam đã từng bước phát triển, cơ bản đáp ứng nhu cầu; bước đầu nghiên cứu, sản xuất một số loại vật liệu mới, vật liệu xanh, vật liệu tái chế; dần khẳng định vai trò là một trong những ngành công nghiệp nền tảng, có ý nghĩa chiến lược đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tuy nhiên, công nghiệp vật liệu phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; sản xuất còn thâm dụng tài nguyên, năng lượng, giá trị gia tăng thấp, phát thải cao; chưa hình thành doanh nghiệp nòng cốt dẫn dắt chuỗi giá trị; thiếu vốn dài hạn cho các dự án chiến lược; hiệu quả khai thác, sử dụng tài nguyên, khoáng sản còn thấp, lãng phí và vi phạm pháp luật vẫn xảy ra.

Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan quản lý nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể các cấp tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

2. Nhiệm vụ trọng tâm

2.1. Quán triệt, thống nhất nhận thức công nghiệp vật liệu là ngành công nghiệp nền tảng, có yếu tố quyết định; là yếu tố đầu vào, điều kiện tiên quyết để phát triển các lĩnh vực thiết yếu và sản phẩm công nghệ chiến lược.

Phát triển công nghiệp vật liệu có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, manh mún; tập trung nguồn lực vào những khâu, lĩnh vực then chốt, nền tảng; gắn sản xuất với nhu cầu thị trường, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, năng lượng; bảo đảm quốc phòng, an ninh; thúc đẩy hội nhập quốc tế.

Chuyển từ khai thác lợi thế tài nguyên sang làm chủ công nghệ vật liệu. Quản lý thống nhất, chặt chẽ, điều tra cơ bản, quy hoạch, khai thác, tinh chế, sản xuất vật liệu; hạn chế tối đa xuất khẩu khoáng sản thô; bảo đảm khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên quốc gia.

2.2. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật liên quan. Nghiên cứu, ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để làm chủ công nghệ sản xuất vật liệu. Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn đồng bộ, thống nhất, phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Xây dựng hệ thống kỹ thuật quốc gia về xuất xứ, chất lượng, an toàn và môi trường đối với nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu. Trong năm 2026, xây dựng và ban hành Chiến lược quốc gia phát triển công nghiệp vật liệu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045,

bảo đảm thống nhất, đồng bộ. Nghiên cứu hình thành cơ chế điều phối quốc gia thống nhất về phát triển công nghiệp vật liệu.

Hoàn thiện quy hoạch liên quan đến công nghiệp vật liệu bảo đảm đồng bộ, thống nhất, hình thành các chuỗi công nghiệp vật liệu khép kín. Xác định rõ các phân ngành ưu tiên, vùng trọng điểm phát triển; có cơ chế, chính sách ưu đãi đủ mạnh.

Đánh giá đầy đủ, khách quan hiện trạng tài nguyên, trữ lượng, điều kiện khai thác. Trong năm 2027, hình thành cơ sở dữ liệu quốc gia về ngành vật liệu; hoàn thiện, liên thông dữ liệu về địa chất, khoáng sản. Đến năm 2028, phấn đấu hình thành tối thiểu 3 - 5 trung tâm nghiên cứu vật liệu quốc gia. Đến năm 2030, làm chủ một số công nghệ chế biến sâu đất hiếm, vật liệu bán dẫn, vật liệu pin; phấn đấu tỉ lệ nội địa hoá một số vật liệu chiến lược đạt 50%.

Ưu tiên bố trí nguồn lực ổn định, dài hạn cho nghiên cứu cơ bản vật liệu chiến lược, vật liệu tương lai. Tăng cường năng lực dự trữ quốc gia một số vật liệu, khoáng sản then chốt, chiến lược; bảo đảm an ninh chuỗi cung ứng vật liệu, giảm mạnh phụ thuộc vào nhập khẩu đối với các vật liệu thiết yếu.

2.3. Phát triển đồng bộ công nghiệp vật liệu theo 3 nhóm: Vật liệu cơ bản, vật liệu chiến lược và vật liệu tương lai.

2.3.1. Giữ vững năng lực sản xuất, ổn định cung ứng, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh đối với các nhóm vật liệu cơ bản. Ưu tiên hiện đại hoá, nâng cao hiệu quả, hình thành các chuỗi cung ứng nguyên liệu ổn định, bền vững. Tiếp tục sắp xếp, cơ cấu lại ngành luyện kim, hoá chất, polymer, cao su kỹ thuật, vật liệu xây dựng. Chủ động điều tiết quy mô, cơ cấu các ngành xi măng, kính xây dựng, gạch, gốm, vật liệu; phát triển kinh tế tuần hoàn trong sản xuất vật liệu xây dựng.

2.3.2. Huy động, sử dụng hiệu quả nguồn lực nhà nước, đồng thời thu hút mạnh mẽ nguồn lực khu vực tư nhân và đầu tư nước ngoài. Ban hành và tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về đất hiếm giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; lấy chế biến sâu làm trọng tâm, không xuất khẩu thô; gắn khai thác, chế biến với bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh, lợi ích lâu dài, bền vững của đất nước.

2.3.3. Chủ động nghiên cứu, chuẩn bị từ sớm, từ xa đối với vật liệu tương lai. Đẩy mạnh nghiên cứu, làm chủ khoa học, công nghệ, từng bước hình thành chuỗi giá trị. Quản lý, kiểm soát đặc biệt việc khai thác, chế biến một số vật liệu đặc biệt quan trọng. Xác định rõ tiềm năng, lợi thế so sánh, khả năng tự chủ, nguồn lực, cơ hội thị trường. Giai đoạn đến năm 2030, tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách, ưu tiên nguồn lực phát triển một số nhóm vật liệu chiến lược, trọng điểm.

2.4. Xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao là động lực chủ yếu thúc đẩy phát triển công nghiệp vật liệu. Hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong ngành công nghiệp vật liệu theo mô hình “Nhà nước kiến tạo - doanh nghiệp trung tâm - viện, trường nền tảng - địa phương là không gian thực thi”. Tập trung xây dựng mạng lưới trung tâm nghiên cứu, vườn ươm công nghệ. Thiết lập bản đồ số tài nguyên khoáng sản, chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng vật liệu chiến lược. Triển khai chương trình quốc gia về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực.

2.5. Có cơ chế thúc đẩy việc chuyển đổi, nâng cấp toàn diện các cơ sở sản xuất vật liệu theo hướng phát triển xanh, bền vững. Xây dựng và triển khai hiệu quả các cơ chế khuyến khích nghiên cứu, sản xuất và sử dụng vật liệu thân thiện môi trường. Quản lý, giám sát chặt chẽ hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản. Tăng cường giám sát, thanh tra, kiểm tra; ứng dụng công nghệ số, dữ liệu vệ tinh trong giám sát. Xử lý nghiêm hành vi vi phạm pháp luật về khoáng sản, môi trường, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm.

2.6. Đẩy mạnh hợp tác, hội nhập quốc tế; có cơ chế, chính sách ưu đãi đủ mạnh, đủ sức cạnh tranh để thu hút các dự án lớn, công nghệ cao, các tập đoàn công nghệ, doanh nghiệp vật liệu hàng đầu thế giới; gắn việc áp dụng các chính sách ưu đãi với yêu cầu tạo liên kết với các doanh nghiệp trong nước. Chủ động lựa chọn đối tác chiến lược, đẩy mạnh hợp tác song phương, đa phương trong các lĩnh vực then chốt.

VII- CHỈ THỊ SỐ 10-CT/TU, NGÀY 03/8/2026 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY VỀ TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC BẢO ĐẢM AN NINH, TRẬT TỰ TRONG BOI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Tình hình

Thời gian qua, cấp ủy, chính quyền các cấp đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ các dự án trọng điểm. Các lực lượng chức năng chủ động nắm tình hình, tăng cường tuyên truyền, vận động, phòng ngừa, xử lý kịp thời vụ việc phát sinh, không để hình thành “điểm nóng”. Nhân dân có đất bị thu hồi cơ bản đồng thuận, chấp hành, phối hợp thực hiện, góp phần đẩy nhanh tiến độ các dự án, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tuy nhiên, công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở một số nơi có lúc chưa thường xuyên, quyết liệt; quản lý đất đai, trật tự xây dựng chưa chặt chẽ; khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản trên đất còn sai sót; hồ sơ, dữ

liệu địa chính chưa đầy đủ, đồng bộ; một số dự án tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, có yếu tố tôn giáo còn khó khăn.

Đề tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, tạo chuyên biến mạnh mẽ, thực chất công tác bảo đảm an ninh, trật tự trong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất phục vụ triển khai các dự án trọng điểm, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu:

2. Nội dung trọng tâm, cốt lõi của Chỉ thị

Chỉ thị đã xác định 8 yêu cầu cụ thể, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện:

1. Các ban đảng tỉnh, các đảng ủy trực thuộc tỉnh, Đảng ủy HĐND tỉnh, Đảng ủy MTTQ tỉnh tiếp tục quán triệt sâu sắc việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Làm tốt công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cần được lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ, thống nhất, xuyên suốt từ tỉnh đến cơ sở. Quá trình thực hiện phải bảo đảm tuân thủ pháp luật, dân chủ, công khai, minh bạch, công bằng, nhân văn; giải quyết hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, người dân có đất bị thu hồi và nhà đầu tư, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân.

Chỉ đạo giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân; thực hiện tốt công tác tiếp công dân, đối thoại, giải quyết các vụ việc khiếu kiện đông người liên quan đến thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ triển khai các dự án trọng điểm. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về tiến độ, kết quả thực hiện.

2. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh

Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Chủ động quy hoạch, chuẩn bị quỹ đất tái định cư từ sớm, bảo đảm đủ quỹ đất cho người dân có đất bị thu hồi; đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng tại các khu tái định cư, bảo đảm điều kiện sống của người dân bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ theo quy định của pháp luật. Hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất, đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm, bảo đảm sinh kế lâu dài cho người dân có đất bị thu hồi.

Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh, đảm bảo “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung”. Xác định rõ tiến độ, trách nhiệm thực hiện để làm cơ sở theo dõi, đôn đốc, giám sát; thường

xuyên báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện, kịp thời chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật trong việc khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác định nguồn gốc đất, thời điểm và quá trình sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; bảo đảm hồ sơ đầy đủ, chính xác, khách quan, hạn chế việc điều chỉnh, bổ sung nhiều lần; tăng cường trách nhiệm phối hợp, trách nhiệm giải trình của các cơ quan, đơn vị, địa phương và người đứng đầu. Quản lý chặt chẽ hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; cập nhật đầy đủ hồ sơ, bản đồ, mốc giới, biên bản xác nhận và dữ liệu số; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm, lợi dụng việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để trục lợi chính sách.

Chỉ đạo xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; rà soát đầy đủ hồ sơ, căn cứ pháp lý và thành lập tổ công tác liên ngành khi cần thiết. Công khai, minh bạch, kịp thời các thông tin liên quan đến phạm vi, căn cứ thu hồi đất, tiến độ thực hiện, phương án bồi thường, hỗ trợ. Tổ chức bảo vệ thi công đối với các dự án đã hoàn thành việc thu hồi đất, bàn giao mặt bằng nhưng bị cản trở, chống đối.

Tăng cường thanh tra, kiểm tra, kịp thời phát hiện, kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách và khắc phục những sơ hở, bất cập trong tổ chức thực hiện; xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

3. Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh tăng cường giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về đất đai, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành theo thẩm quyền các chính sách có liên quan, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn, khắc phục những bất cập, “điểm nghẽn” trong quá trình thực hiện.

4. Đảng ủy Công an tỉnh lãnh đạo Công an tỉnh phát huy vai trò nòng cốt của lực lượng công an trong tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự. Chủ động bám sát địa bàn, phối hợp theo dõi dư luận xã hội, tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân có đất bị thu hồi. Kịp thời phát hiện các yếu tố tiềm ẩn phức tạp về an ninh, trật tự và tham mưu xử lý, giải quyết ngay từ cơ sở, không để hình thành “điểm nóng” về an ninh, trật tự. Phối hợp chặt chẽ với cơ quan, đơn vị liên quan, chính quyền địa phương và chủ đầu tư rà soát, đánh giá các yếu tố có khả năng tác động đến an ninh, trật tự; đấu tranh, ngăn chặn, xử lý nghiêm theo quy định; phối hợp tham mưu giải quyết các vấn đề liên quan đến an ninh, trật tự phát sinh trong quá trình thu hồi đất ngay từ cơ sở.

5. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc tỉnh lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh phát huy vai trò giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật và phản biện xã hội trong xây dựng cơ chế, chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh; chủ động nắm tình hình Nhân dân, dư luận xã hội tại cơ sở. Kịp thời tổng hợp, phản ánh những kiến nghị, đề xuất với cấp ủy, chính quyền xem xét, giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh; tích cực tham gia tuyên truyền, vận động, hòa giải, đối thoại trong quá trình thực hiện.

6. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy hướng dẫn tuyên truyền, quán triệt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí tăng cường thông tin, tuyên truyền chính sách, pháp luật về đất đai, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, góp phần tạo sự đồng thuận trong Nhân dân trong tổ chức thực hiện.

7. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy kiểm tra, giám sát các cấp ủy, tổ chức đảng trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để triển khai các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh.

8. Đảng ủy các xã, phường phân công các đồng chí ủy viên ban chấp hành đảng bộ xã, phường phụ trách, theo dõi, đôn đốc công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để triển khai các dự án trọng điểm trên địa bàn; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện; khắc phục tình trạng ngại khó, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm.

Lãnh đạo UBND cấp xã rà soát đội ngũ cán bộ, bố trí hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền bố trí cán bộ có năng lực, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm công tác quản lý đất đai. Xây dựng kế hoạch giải phóng mặt bằng đối với từng dự án trên địa bàn; tổ chức thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo thẩm quyền. Thực hiện tốt công tác quản lý đất đai, trật tự xây dựng, chủ động phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân; kịp thời giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến thu hồi đất; giải quyết dứt điểm các vụ việc thuộc thẩm quyền ngay tại cơ sở, không để tồn đọng, kéo dài, phát sinh khiếu kiện vượt cấp.

Phụ lục 2

Tổng hợp số liệu học tập, quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện

(Kèm theo Hướng dẫn số 60-HD/BTGDVTU, ngày 25/8/2026 của Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy)

[illegible]